

# THỬ NGHIỆM CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHÚ Ý CÓ CHỦ ĐỊNH CỦA TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI

PHÙNG PHƯƠNG THẢO\*

Ngày nhận bài: 10/07/2017; ngày sửa chữa: 17/07/2017; ngày duyệt đăng: 17/07/2017.

**Abstract:** This article presents results of a piloting research on solutions to develop intended attention of children aged 5 to 6. Based on the results, the article points out effectiveness and feasibility of application of these measures to improve intended attention children aged 5 to 6.

**Keywords:** Attention, intended attention, children aged 5 to 6, kindergarten, nursery.

## 1. Đặt vấn đề

Sự phát triển chú ý không chủ định không làm nảy sinh chú ý có chủ định (CYCCĐ) ở trẻ. CYCCĐ được hình thành dưới ảnh hưởng của tác động giáo dục, giao tiếp. Qua đó, người lớn hình thành cho trẻ những cơ sở để nuôi dưỡng sự hình thành và phát triển CYCCĐ. Muốn vậy, trong việc giáo dục sự CYCCĐ cho trẻ, cần đảm bảo các điều kiện: 1) Người lớn cần tổ chức các hoạt động lôi cuốn trẻ tham gia. Một trong những hoạt động quan trọng giúp hình thành loại chú ý này ở trẻ là hoạt động thông qua trò chơi, đặc biệt là trò chơi có luật; 2) Trẻ phải hiểu được mục đích và nhiệm vụ cụ thể đặt ra cho trẻ; 3) Cần dạy trẻ biết hướng chú ý một cách có ý thức vào sự vật và hiện tượng; 4) Trẻ có khả năng tự kiểm tra hành động của mình, nhờ đó biết điều khiển chú ý theo kế hoạch hành động đặt ra trước đó; 5) Trẻ phải nhận thức được trách nhiệm bản thân, hiểu được ý nghĩa của việc mình sắp làm; 6) Cần tạo ra hoàn cảnh tốt, thuận lợi; loại bỏ hoặc giảm tối đa những kích thích không liên quan đến nhiệm vụ.

## 2. Khách thể, phương pháp nghiên cứu và mô tả thực nghiệm (TN)

### - Khách thể nghiên cứu:

+ *Giai đoạn 1:* Nghiên cứu thực trạng - Khảo sát thực trạng khả năng CYCCĐ của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, được thực hiện trên 112 trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thuộc Trường Mầm non Hoa Lan (Quận Gò Vấp), Tuổi Thơ 7 (Quận 3) và Sơn Ca 4 (Quận Phú Nhuận).

+ *Giai đoạn 2:* Nghiên cứu TN (T- TN các biện pháp nâng cao khả năng CYCCĐ trên 18 trẻ có khả năng CYCCĐ thấp nhất của trường Hoa Lan.

+ *Giai đoạn 3:* Khảo sát sau TN - Đánh giá hiệu quả của biện pháp nâng cao khả năng CYCCĐ của 18 trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tham gia TN.

- **Phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp đo nghiệm bằng hệ thống bài tập (trò chơi học tập), TN, quan sát, phỏng vấn, điều tra bằng bảng hỏi. Trong đó, phương pháp TN và phương pháp đo nghiệm bằng hệ thống bài tập là phương pháp chủ đạo. Chúng tôi sử dụng thang đánh giá 04 mức độ với điểm thấp nhất là 0, cao nhất là 3 và được quy đổi điểm xếp loại mức độ như sau: từ 0-0,75 điểm: *Thấp*; 0,76-1,50 điểm: *Trung bình*; 1,51-2,25 điểm: *Khá*; 2,26-3,0 điểm: *Cao*. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3-5/2015.

### - Mô tả TN:

+ **Mục đích TN:** Nhằm xem xét hiệu quả của các biện pháp nâng cao khả năng CYCCĐ của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, bao gồm: 1) Rèn luyện việc nâng cao khả năng CYCCĐ của trẻ trong hoạt động làm quen với toán bằng trò chơi học tập phát triển chú ý; 2) Giáo viên nêu yêu cầu, mục đích nhiệm vụ và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ bằng ngôn ngữ dễ hiểu, hấp dẫn; 3) Giáo viên cho trẻ nhắc to lại nhiệm vụ trước khi trẻ tiến hành thực hiện nhiệm vụ; 4) Giáo viên tăng cường dạy trẻ biết đặt kế hoạch, mục đích cho hành động của mình; 5) Giáo viên rèn luyện cho trẻ thói quen kiểm tra tiến trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

+ **Cách thức tiến hành TN:** Nhóm trẻ TN được tổ chức rèn luyện dưới hình thức tiết học do chính giáo viên phụ trách lớp (được tập huấn) đảm nhận, với nội dung chuyên biệt rèn luyện nâng cao khả năng CYCCĐ, qua đó sử dụng 05 biện pháp TN trên. Trẻ ở nhóm TN được chia làm 3 nhóm (mỗi nhóm 3 trẻ có trình độ tương đương). Mỗi nhóm lần lượt tham gia vào các tiết học theo từng giai đoạn với mức độ rèn luyện CYCCĐ tăng dần từ thấp đến cao. Khi trẻ đạt

\* Trường Đại học Sài Gòn

được khả năng ở giai đoạn trước sẽ được chuyển sang rèn luyện ở giai đoạn tiếp theo. Sau ba giai đoạn (1, 2, 3), những trẻ chưa hoàn toàn thành thục sẽ được tiếp tục tổ chức rèn luyện thêm ở giai đoạn 4.

+ **Đánh giá sau TN:** Sau TN, chúng tôi tiến hành đánh giá khả năng CYCCĐ của trẻ thông qua hệ thống bài tập đo nghiệm gồm 06 trò chơi học tập thiết kế dưới dạng hình vẽ trực quan (về cơ bản tương đương với 06 trò chơi học tập đã sử dụng khi khảo sát thực trạng), chia làm 5 dạng: Quan sát, xác định phương hướng, vị trí; quan sát, tìm hình dạng, tìm vật theo yêu cầu; quan sát, đối chiếu và tìm hình dạng vật phù hợp; quan sát sơ đồ, tìm đường đi; quan sát, đối chiếu, ghi kí hiệu. Các tiêu chí đánh giá khả năng CYCCĐ của trẻ: 1) Tập trung lắng nghe nhiệm vụ; 2) Nỗ lực ghi nhớ nhiệm vụ; 3) Tập trung giải quyết nhiệm vụ; 4) Duy trì chú ý khi khó khăn; 5) Chú ý kiểm tra tiến trình và kết quả.

Trên cơ sở kết quả đánh giá CYCCĐ của trẻ khi thực hiện 06 bài tập đo nghiệm, chúng tôi tiến hành phân tích kết quả TN bằng phương pháp toán thống kê.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Kết quả nghiên cứu trước TN

3.1.1. So sánh điểm trung bình chung khả năng CYCCĐ giữa nhóm TN và nhóm đối chứng (ĐC) trước TN. Khảo sát thực trạng khả năng CYCCĐ của trẻ Trường Mầm non Hoa Lan, nghiên cứu chọn ra 18 trẻ có kết quả thấp nhất, trong đó có 16 trẻ đạt khả năng CYCCĐ ở mức khá và 2 trẻ đạt mức trung bình. Chọn lọc theo nguyên tắc ngẫu nhiên và cân xứng, chúng tôi có nhóm TN và nhóm ĐC với điểm trung bình (ĐTB) được thể hiện như sau (bảng 1):

**Bảng 1. ĐTB chung khả năng CYCCĐ của nhóm TN và nhóm ĐC trước TN**

Nhóm	Số lượng	ĐTB	ĐLC	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Sig. ( $\alpha=0,05$ )
ĐC	9	1,744	0,427	0,767	2,233	0,845
TN	9	1,778	0,264	1,300	2,167	
Tổng	18	1,774	0,345	0,767	2,233	

Bảng 1 cho thấy, ĐTB chung khả năng CYCCĐ của nhóm ĐC là 1,744 và nhóm TN là 1,778. Nghĩa là, ở cả hai nhóm, trẻ đều đạt mức khả năng CYCCĐ *Khá*. Kết quả kiểm nghiệm T-test cho thấy, không có sự khác biệt ý nghĩa nào về khả năng CYCCĐ của hai nhóm trẻ ( $\text{sig}=0,845>0,05$ ). Do đó, có thể nói, khả năng CYCCĐ ở nhóm TN và nhóm ĐC là tương đối ngang bằng nhau trước TN.

Mặc dù khả năng CYCCĐ của trẻ là ở mức khá, nhưng những trẻ này lại thuộc về nhóm có khả năng CYCCĐ thấp nhất so với những trẻ còn lại của Trường Mầm non Hoa Lan, ĐTB của trẻ lại phân bố gần với đầu mút trung bình hơn đầu mút cao.

#### 3.1.2. Khả năng CYCCĐ của nhóm TN và nhóm ĐC trong từng bài tập trước TN (bảng 2):

**Bảng 2. Khả năng CYCCĐ của nhóm TN và nhóm ĐC trong từng bài tập trước TN**

Bài tập	Nhóm	Số lượng	ĐTB	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Sig ( $\alpha = 0,05$ )
Bài tập 1	ĐC	9	1,378	0,60	2,80	0,908
	TN	9	1,333	0,00	2,60	
	Tổng	18	1,356	0,00	2,80	
Bài tập 2	ĐC	9	0,844	0,00	2,40	0,168
	TN	9	1,422	0,00	3,00	
	Tổng	18	1,133	0,00	3,00	
Bài tập 3	ĐC	9	1,889	0,80	3,00	0,386
	TN	9	1,578	0,60	2,80	
	Tổng	18	1,733	0,60	3,00	
Bài tập 4	ĐC	9	1,956	0,80	2,80	0,133
	TN	9	1,578	1,20	2,20	
	Tổng	18	1,767	0,80	2,80	
Bài tập 5	ĐC	9	2,244	0,80	2,80	0,619
	TN	9	2,067	1,20	3,00	
	Tổng	18	2,156	0,80	3,00	
Bài tập 6	ĐC	9	2,156	0,00	3,00	0,157
	TN	9	2,689	2,40	3,00	
	Tổng	18	2,422	0,00	3,00	

Bảng 2 cho thấy, khả năng CYCCĐ của trẻ ở cả nhóm TN và nhóm ĐC trong từng bài tập thể hiện khác nhau. Ở bài tập 1, cả hai nhóm đều đạt điểm số tương đối ngang nhau. Thế nhưng, ở một số bài tập khác, nhóm ĐC thể hiện khá hơn nhóm TN như bài tập 3, 4, 5, và cũng có những bài tập nhóm TN lại là nhóm thể hiện nhỉnh hơn như bài tập 2 và 6. Tuy nhiên, sự khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê khi tất cả các kiểm nghiệm đều cho thấy  $\text{sig}>0,05$ .

#### 3.1.3. Khả năng CYCCĐ của nhóm TN và nhóm ĐC trước TN xét theo từng tiêu chí (xem bảng 3 trang bên).

Bảng 3 cho thấy, mức độ đạt được từng tiêu chí CYCCĐ của trẻ ở cả hai nhóm thể hiện không đồng đều nhau. Trong số 5 tiêu chí thì trẻ ở cả hai nhóm thể hiện tốt nhất ở tiêu chí tập trung lắng nghe nhiệm vụ, với ĐTB khá cao (2,574 điểm ở nhóm ĐC và 2,444 điểm ở nhóm TN) - xếp ở mức *Cao*. Kế tiếp là tiêu chí nỗ lực ghi nhớ nhiệm vụ trẻ cũng đạt được ĐTB ở mức khá (2,167 điểm ở nhóm ĐC và 2,056 ở nhóm TN). ĐTB còn phản ánh sự nhỉnh hơn đôi chút trong việc thể hiện khả năng ở hai tiêu chí này của nhóm ĐC so

**Bảng 3. Khả năng CYCCĐ của nhóm TN và nhóm ĐC trước TN xét theo từng tiêu chí**

Tiêu chí	Nhóm	Số lượng	ĐTB	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Sig ( $\alpha = 0,05$ )
Tập trung lắng nghe nhiệm vụ	ĐC	9	2,574	1,833	3,000	0,492
	TN	9	2,444	2,000	3,000	
	Tổng	18	2,509	1,833	3,000	
Nỗ lực ghi nhớ nhiệm vụ	ĐC	9	2,167	1,500	2,500	0,490
	TN	9	2,056	1,667	2,500	
	Tổng	18	2,111	1,500	2,500	
Tập trung giải quyết nhiệm vụ	ĐC	9	1,593	0,333	2,167	0,192
	TN	9	1,907	1,500	2,500	
	Tổng	18	1,750	0,333	2,500	
Nỗ lực duy trì chú ý khi khó khăn	ĐC	9	1,315	0,167	2,000	0,331
	TN	9	1,574	1,000	2,333	
	Tổng	18	1,444	0,167	2,333	
Chú ý kiểm tra tiến trình và kết quả thực hiện	ĐC	9	1,074	0,000	1,833	0,415
	TN	9	0,852	0,000	1,500	
	Tổng	18	0,963	0,000	1,833	

với nhóm TN. Tuy nhiên, kiểm nghiệm thống kê cho thấy, khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê khi  $\text{sig} > 0,05$ . Nghĩa là, ở cả hai tiêu chí này, trẻ nhóm TN và nhóm ĐC đều có khả năng tương đương nhau.

### 3.2. Kết quả nghiên cứu khả năng CYCCĐ của trẻ nhóm TN và nhóm ĐC sau TN

3.2.1. ĐTB chung khả năng CYCCĐ của nhóm TN và nhóm ĐC trước và sau TN (bảng 4):

**Bảng 4. ĐTB khả năng CYCCĐ của nhóm TN và nhóm ĐC trước và sau TN**

Thời điểm	Nhóm	Số lượng	ĐTB	ĐLC	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Sig. ( $\alpha = 0,05$ )
Trước TN	ĐC	9	1,744	0,427	0,767	2,233	0,845
	TN	9	1,778	0,264	1,300	2,167	
	Tổng	18	1,774	0,345	0,767	2,233	
Sau TN	ĐC	9	1,985	0,570	1,133	2,700	0,001
	TN	9	2,778	0,235	2,300	3,000	
	Tổng	18	2,381	0,587	1,133	3,000	

Bảng 4 cho thấy, sau TN đã có sự thay đổi mức độ đạt được khả năng CYCCĐ ở cả hai nhóm TN và ĐC. Ở nhóm ĐC, có sự thay đổi nhẹ ĐTB CYCCĐ của trẻ lên mức 1,985 điểm - so với trước TN là 1,744 điểm. Những thay đổi này ở nhóm ĐC cũng phần nào phản ánh sự phát triển của trẻ theo thời gian, nhờ vào những tác động trẻ nhận được từ giáo dục, đặc biệt là giáo dục nhà trường. Tuy nhiên, thay đổi đó chưa đủ để làm tăng mức độ khả năng CYCCĐ của trẻ đạt đến mức cao hơn. Trẻ vẫn thể hiện khả năng ở mức khá như trước TN. Tuy nhiên, ở nhóm TN, có sự khác biệt thể hiện rõ nét khi so sánh giữa

trước và sau TN. Nếu trước TN, ĐTB của trẻ là 1,778 thì sau TN, con số này đã tăng lên 2,778 điểm - một sự chênh lệch khá lớn giữa trước và sau TN, nâng mức khả năng CYCCĐ của trẻ từ khá (trước TN) lên mức cao (sau TN). Sự chênh lệch này tạo nên cách biệt khá rõ nét về khả năng CYCCĐ giữa nhóm TN và nhóm ĐC sau TN. Kiểm nghiệm thống kê cho thấy,  $\text{sig} = 0,001 < 0,05$ , cho ta cơ sở để kết luận khác biệt này là khác biệt có ý nghĩa. Như vậy, bước đầu có thể khẳng định tính hiệu quả của những biện pháp áp dụng trong quá trình TN nhằm nâng cao khả năng CYCCĐ của trẻ.

3.2.2. Khả năng CYCCĐ của trẻ nhóm TN và nhóm ĐC trong từng bài tập sau TN (bảng 5):

**Bảng 5. Khả năng CYCCĐ của trẻ nhóm TN và nhóm ĐC trong từng bài tập sau TN**

Bài tập	Nhóm	Số lượng	Trước TN		Sau TN	
			ĐTB	Sig	ĐTB	Sig
Bài tập 1	ĐC	9	1,378	0,908	2,089	0,221
	TN	9	1,333		2,644	
	Tổng	18	1,356		2,367	
Bài tập 2	ĐC	9	0,844	0,168	1,511	0,041
	TN	9	1,422		2,378	
	Tổng	18	1,133		1,944	
Bài tập 3	ĐC	9	1,889	0,386	1,533	0,000
	TN	9	1,578		2,844	
	Tổng	18	1,733		2,189	
Bài tập 4	ĐC	9	1,956	0,133	2,178	0,010
	TN	9	1,578		2,911	
	Tổng	18	1,767		2,544	
Bài tập 5	ĐC	9	2,244	0,619	2,156	0,001
	TN	9	2,067		2,933	
	Tổng	18	2,156		2,544	
Bài tập 6	ĐC	9	2,156	0,157	2,444	0,000
	TN	9	2,689		2,956	
	Tổng	18	2,422		2,700	

Bảng 5 cho thấy sự khác biệt rõ nét giữa khả năng CYCCĐ của trẻ nhóm TN trước và sau TN. Trước TN, bài tập 1, 2, 3 và 4 là những bài tập gây ra những khó khăn đối với trẻ trong việc duy trì CYCCĐ, trẻ chỉ đạt được khả năng CYCCĐ đối với những bài tập này ở mức *Trung bình* hoặc *Khá*. Sau TN, khả năng này của trẻ tăng vọt khi mà ĐTB của 4 bài tập trên tăng lên gấp rưỡi hoặc gấp đôi so với trước, nâng mức khả năng CYCCĐ của trẻ lên mức cao. Đây thực sự là những tiến bộ đáng kể của trẻ so với trước TN.

Qua nghiên cứu có thể nhận thấy, các biện pháp TN đã áp dụng giúp trẻ cải thiện đáng kể khả năng điều khiển CYCCĐ của mình. Đối với những bài tập yêu cầu sự tỉ mỉ, kiên trì như bài tập 3 và 4, nếu như trước đây có

thể gây cho trẻ nhiều khó khăn, chán nản thì giờ đây, nhờ vào việc trẻ được rèn luyện các phương pháp giải quyết nhiệm vụ cho từng dạng “bài tập” cụ thể, đã giúp cho trẻ phát hiện ra các mặt, các đặc điểm khác nhau của đối tượng một cách rõ ràng, chi tiết và có hệ thống hơn. Ngoài ra, chính nhờ việc rèn luyện cho trẻ lắng nghe một cách tích cực và biết nhắc to lại nhiệm vụ, trẻ đã thực sự ghi nhớ tốt hơn rất nhiều. Bài tập 5 và 6, trẻ đạt điểm gần mức tuyệt đối với 2,933 điểm (bài tập 5) và 2,956 điểm (bài tập 6) - xếp mức cao. Đây là 2 bài tập đòi hỏi ở trẻ sự so sánh, đối chiếu và kiểm tra kĩ lưỡng tiến trình và kết quả thực hiện.

Về phía nhóm ĐC, đối với các bài tập 1, 2, khả năng CYCCĐ của trẻ cũng tăng lên. Ở bài tập 1, khả năng CYCCĐ của trẻ tăng từ mức trung bình (1,378 điểm) lên mức khá (2,089 điểm). Bài tập thứ 2, khả năng của trẻ cũng tăng từ mức trung bình (0,844 điểm) lên khá (1,511 điểm). Dù vậy, 1,511 vẫn là số điểm có sự phân bố tiệm cận với mức trung bình. Bài tập 4 và 6, ĐTB của trẻ cũng có sự tăng lên, tuy không nhiều lắm, nhưng những tiến bộ này vẫn là tín hiệu tích cực đối với trẻ ở nhóm ĐC. Tuy nhiên, sự tiến bộ này so với nhóm TN thì vẫn còn chênh lệch khá xa.

3.2.3. Khả năng CYCCĐ của trẻ nhóm TN và nhóm ĐC sau TN xét trên từng tiêu chí (bảng 6):

Bảng 6. Khả năng CYCCĐ của trẻ nhóm TN và nhóm ĐC sau TN xét trên từng tiêu chí

Tiêu chí	Nhóm	Số lượng	Trước TN		Sau TN	
			ĐTB	Sig. ( $\alpha=0,05$ )	ĐTB	Sig. ( $\alpha=0,05$ )
Tập trung lắng nghe nhiệm vụ	ĐC	9	2,574	0,492	2,352	0,026
	TN	9	2,444		2,889	
	Tổng	18	2,509		2,620	
Nỗ lực ghi nhớ nhiệm vụ	ĐC	9	2,167	0,490	2,278	0,023
	TN	9	2,056		2,815	
	Tổng	18	2,111		2,546	
Tập trung giải quyết nhiệm vụ	ĐC	9	1,593	0,192	2,000	0,003
	TN	9	1,907		2,796	
	Tổng	18	1,750		2,398	
Duy trì chú ý khi gặp khó khăn	ĐC	9	1,315	0,331	1,778	0,002
	TN	9	1,574		2,741	
	Tổng	18	1,444		2,259	
Chú ý kiểm tra tiến trình và kết quả thực hiện	ĐC	9	1,074	0,415	1,519	0,000
	TN	9	0,852		2,648	
	Tổng	18	0,963		2,083	

Bảng 6 cho thấy, sau TN, trẻ nhóm TN đã có những bước tiến đáng kể so với trước TN. Những tiến bộ này thể hiện đều khắp các tiêu chí, rõ nét

nhất thể hiện ở tiêu chí kiểm tra. Nếu như trước TN, việc kiểm tra tiến trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của trẻ chỉ đạt ở mức trung bình với ĐTB khá thấp (0,852 điểm) thì sau TN, trẻ đã nâng khả năng này lên mức cao (2,648 điểm). Trong quá trình TN, ở những buổi học đầu tiên, hầu hết các trẻ đều chưa hình thành được thói quen kiểm tra, nhất là thói quen kiểm tra kết quả sau khi hoàn thành nhiệm vụ; các thao tác tiến hành trẻ cũng chưa có sự rà soát tỉ mỉ trước khi thực hiện, dẫn đến dễ làm sai và phải sửa lại nhiều lần. Tuy nhiên, qua hết những buổi học của giai đoạn 1, trẻ đã quen với việc phải cẩn thận tỉ mỉ, nhìn trước nhìn sau, kiểm tra trước bằng mắt hoặc di ngón tay thử trước khi cầm bút ghi kết quả. Làm xong, trẻ biết kiểm tra lại một lượt trước khi sang bài tập tiếp theo. Đây là một trong những kết quả đáng ghi nhận. Trong khi đó, ở nhóm ĐC, tiêu chí này trẻ chỉ đạt ĐTB 1,519 điểm, thấp hơn nhiều so với nhóm TN. Kiểm nghiệm thống kê cho thấy, khác biệt này là có ý nghĩa ( $\text{sig}=0,00<0,05$ ).

#### 4. Kết luận

Trước TN, khả năng CYCCĐ của trẻ nhóm TN và nhóm ĐC là ngang bằng nhau, xét trên bình diện chung cũng như xét theo từng tiêu chí và từng bài tập. Sau TN, kết quả cho thấy, những tiến bộ vượt bậc trong khả năng CYCCĐ của những trẻ ở nhóm TN so với trước TN và so với nhóm ĐC. Những tiến bộ đó thể hiện rõ nét trong từng bài tập (nhiệm vụ) và từng tiêu chí đánh giá trên mỗi trẻ.

Như vậy, có thể kết luận, các biện pháp được sử dụng trong TN nhằm nâng cao khả năng CYCCĐ của trẻ thực sự mang lại hiệu quả và có thể áp dụng được trong thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] A.V. Daparogiet (1977). *Tâm lí học*. NXB Giáo dục.
- [2] Luria A.R. (2003). *Cơ sở tâm lí học thần kinh*. NXB Giáo dục.
- [3] Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai - Đinh Thị Kim Thoa (2002). *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] V.X. Mukhina (1981). *Tâm lí học mẫu giáo*. NXB Giáo dục.
- [5] Fisher Anna V. (2000). *Mechanisms of sustained selective attention in 3- to 5-year-old children: Evidence from a new object tracking task*. Department of Psychology, USA.
- [6] Johnson, D.A., & Proctor, D.R.W (2004). *Attention: Theory and practice*. Thousand Oaks, CA: Sage Publications, Inc.